TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** TỈNH ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-12-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Toán.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:* Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình không tham gia phiên tòa.

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại Toà án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên toà xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A. Địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B. Địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2017, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh B tự tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã 2, huyện 3, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/4/2016. Hôn nhân giữa chị và anh B là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay đe dọa, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi lời qua tiếng lại. Do đó chị và anh B đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh B, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị C. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C đến trưởng thành, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị và anh B có 10 (mười) chỉ vàng 10 tuổi 24 kara thị trường, hiện nay chị đang quản lý, chị và anh B đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh B không nợ ai và không ai nợ lại anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 10/11/2017 và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh thống nhất theo lời trình bày của chị A về quá trình chung sống, về kết hôn, nay anh còn thương yêu chị A và con, nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A.

Về con chung: Anh và chị A có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị C. Nếu Tòa án giải quyết cho chị A ly hôn với anh, anh thống nhất giao con cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh và chị A có 10 (mười) chỉ vàng 10 tuổi 24 kara thị trường, hiện nay chị A đang quản lý, anh và chị A đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp, anh yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Anh và chị A không nợ ai và không ai nợ lại anh chị, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị A và anh B có đăng ký kết hôn theo luật định, tại Ủy ban nhân xã Bình Thành, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/4/2016, trước khi kết hôn anh chị đã có thời gian tìm hiểu và tổ chức đám cưới. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay, trong thời gian sống ly thân anh chị không gặp nhau trao đổi tìm biện pháp khắc phục để hàn gắn, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng chị A không thống nhất;

[2.2] Xét thấy tình cảm giữa chị A và anh B là không được hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A đối với anh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về con chung: Tại phiên tòa, anh B thống nhất giao cháu Nguyễn Thị C cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Sự tự nguyện thoả thuận về nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con giữa chị A và anh B là phù hợp với khoản 3 Điều 81 và khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị A và anh B có 10 (mười) chỉ vàng 10 tuổi 24 kara thị trường, hiện nay chị A đang quản lý, anh chị đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Về nợ chung: Anh chị không nợ ai và không ai nợ anh chị, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 144 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, khoản 3 Điều 81, khoản 2, 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị A đối với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị A và anh B về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau: Giao cháu Nguyễn Thị C cho chị A được tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh B cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng hàng tháng là ½ tháng lương cơ sở. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 21/12/2017.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị A phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số: BO/2014 –

00668, ngày 02/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, chị A không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Văn B phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Thanh Bình;
- Chi cục THADS H.Thanh Bình;
- Các Đương sự;
- UBND xã 2,H3,ĐT;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)

Bùi Văn Toán